

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mức thu học phí và các khoản thu ngoài học phí

Năm học 2019-2020.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535/ TTg ngày 03 tháng 11 năm 1993 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 675/BGD&ĐT ngày 16/02/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê duyệt các chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định 941/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Viện Đại học Mở Hà Nội của Thủ tướng chính phủ ngày 03/07/2017;

Căn cứ Biên bản họp bàn về dự kiến mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2019-2020 của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và Trường các đơn vị ngày 04/01/2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu học phí và các khoản thu ngoài học phí năm học 2019 – 2020.

Điều 2. Quy định mức thu học phí và các khoản thu ngoài học phí ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng trong năm học 2019-2020 và thay thế các văn bản qui định mức thu học phí trước đây.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Trường các đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu VT.


TS. Trương Tiến Tùng

QUY ĐỊNH

VỀ MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2019-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2500 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Trường Đại học Mở Hà Nội)

TT	HỆ/BẠC ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ THEO NIÊN CHẾ (đồng/tháng)	MỨC HỌC PHÍ THEO TC (đồng/tín chỉ)	THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG
I	SAU ĐẠI HỌC			
1	Tiến sĩ			
-	Ngôn ngữ Anh	3.110.000	1.133.000	01/08/2019
2	Thạc sĩ			
-	Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật Viễn thông	1.957.000	653.000	01/08/2019
-	Công nghệ Thông tin			
-	Công nghệ Sinh học			
-	Ngôn ngữ Anh	1.866.000	622.000	
-	Quản trị kinh doanh			
-	Kế toán			
-	Luật kinh tế			
3	Học phí gia hạn bảo vệ luận văn tốt nghiệp	Bằng số tín chỉ của luận văn tốt nghiệp x mức thu học phí của 1 tín chỉ		
II	ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, SONG BẰNG			
	Nhập học từ năm 2016-2017 trở về trước			
Nhóm 1	Công nghệ Thông tin; Công nghệ Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa; Công nghệ Sinh học; Công nghệ thực phẩm	1.166.000	310.000	01/08/2019
	Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung quốc			
	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang, Kiến trúc		335.000	
Nhóm 2	Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Luật; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế	979.000	272.000	
	Nhập học từ năm 2017-2018 trở về sau theo đề án tự chủ			
Nhóm 1	Công nghệ Thông tin; Công nghệ Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa; Công nghệ Sinh học; Công nghệ thực phẩm	1.304.500	346.000	01/08/2019
	Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung quốc			
	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang, Kiến trúc		375.000	



TT	HỆ/BẠC ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ THEO NIÊN CHẾ (đồng/tháng)	MỨC HỌC PHÍ THEO TC (đồng/tín chỉ)	THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG
Nhóm 2	Kế toán; Quản trị kinh doanh; Thương mại điện tử; Tài chính - Ngân hàng; Luật; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế	1.244.000	346.000	
III	ĐẠI HỌC KHÔNG CHÍNH QUY			
1	Đại học (VHV, VB2, Liên thông)			
Nhóm 1	Công nghệ Thông tin; Công nghệ Kỹ thuật Điện tử- Viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa; Công nghệ Sinh học; Công nghệ thực phẩm	1.590.000	422.000	01/08/2019
	Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung quốc			
	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang, Kiến trúc		457.000	
Nhóm 2	Kế toán; Quản trị kinh doanh; Thương mại điện tử; Tài chính - Ngân hàng; Luật; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế	1.335.000	376.000	
2	Đại học Từ xa			
-	Đại học Từ xa truyền thống		310.000	01/09/2019
-	Đại học Từ xa trực tuyến (E-learning) HOU-TOPICA		390.000	
-	Đại học Từ xa trực tuyến (E-learning) EHO		310.000	

Ghi chú: Thời điểm áp dụng mức học phí mới được tính cho các lớp học có kế hoạch học tập bắt đầu từ ngày áp dụng mức học phí mới theo qui định ở trên.

QUY ĐỊNH

VỀ MỨC THU CÁC KHOẢN THU NGOÀI HỌC PHÍ NĂM HỌC 2019 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2500 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Trường Đại học Mở Hà Nội)



TT	HỆ/ BẠC ĐÀO TẠO	MỨC THU
1	Kinh phí tuyển sinh môn năng khiếu (ngành thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang, Kiến trúc)	300.000đ/TS
2	Kinh phí tuyển sinh hệ đại học không chính quy, Liên thông, Văn bằng 2, từ xa	
-	Kinh phí dự thi	100.000đ/môn thi
-	Kinh phí xét tuyển	100.000đ/HS
3	Kinh phí tuyển sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ	
-	Kinh phí đăng ký dự thi	100.000đ/thí sinh/hồ sơ
-	Kinh phí dự thi thạc sĩ	150.000đ/môn thi
-	Kinh phí dự tuyển nghiên cứu sinh	1.000.000đ/TS/hồ sơ
4	Kinh phí thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ	350.000đ/SV
5	Kinh phí thi lại chuẩn đầu ra ngoại ngữ	60.000đ/kỹ năng
6	Kinh phí thi lại hệ từ xa	150.000đ/học phần
7	Kinh phí cấp bản sao bằng và bằng điểm khi tốt nghiệp	50.000đ/ sinh viên
8	Kinh phí xét công nhận kết quả học tập để miễn môn	100.000đ/HP
9	Kinh phí phúc khảo điểm thi	100.000đ /1môn thi
10	Các khoản thu khác	
-	Cấp bản sao bằng tốt nghiệp sau khi đã tốt nghiệp	30.000/1 bản sao
-	Cấp lại bản sao bằng điểm sau khi đã tốt nghiệp	10.000đ/1 bản sao
-	Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế	30.000/ 1 thẻ
-	Cấp lại thẻ sinh viên	30.000/ 1 thẻ

Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/09/2019

8